

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC XUẤT NHẬP KHẨU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2337 /TLH
V/v đăng tải Danh sách các thành
viên của Quy chế Chứng nhận KP

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2026

Kính gửi: Báo Công Thương

Ngày 05 tháng 9 năm 2026, Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 48/2026/TT-BCT quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 292/2026/NĐ-CP dự kiến ban hành và có hiệu lực từ ngày 05 tháng 9 năm 2026. Tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 48/2026/TT-BCT quy định:

“1. Đối với kim cương thô thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này, thương nhân chỉ được phép xuất khẩu, nhập khẩu với các thành viên của Quy chế Chứng nhận KP.

Bộ Công Thương thông báo Danh sách các thành viên của Quy chế Chứng nhận KP tại Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương.”

Thực hiện quy định nêu trên, Cục Xuất nhập khẩu gửi kèm theo Danh sách các thành viên của Quy chế Chứng nhận KP, đề nghị Quý đơn vị phối hợp đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương theo quy định.

Cục Xuất nhập khẩu trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TLH, trangntht.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Trần Thanh Hải

**DANH SÁCH CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN CỦA
QUY CHẾ CHỨNG NHẬN QUY TRÌNH KIMBERLEY**

TT	Tên nước thành viên	Chữ viết tắt
1	Ăng-gô-la	AO
2	Ăc-mê-ni-a	AM
3	Ô-xtrây-li-a	AU
4	Băng-la-đét	BD
5	Bê-la-rút	BY
6	Bốt-xoa-na	BW
7	Bra-xin	BR
8	Cam-pu-chia	KH
9	Ca-mơ-run	CM
10	Ca-na-đa	CA
11	Cộng hòa Trung Phi	CF
12	Trung Quốc	CN
13	Cộng hoà Dân chủ Công-gô	CD
14	Cộng hòa Công-gô	CG
15	Liên minh châu Âu	EU
16	Ga-bông	GA
17	Ga-na	GH
18	Ghi-nê	GN
19	Guy-a-na	GY
20	Ấn Độ	IN
21	In-đô-nê-si-a	ID
22	I-xra-en	IL
23	Bờ Biển Ngà	CI
24	Nhật Bản	JP
25	Ca-dắc-xtan	KZ
26	Cư-rơ-gư-dơ-xtan	KG
27	Hàn Quốc	KR
28	Lào	LA
29	Li-băng	LB
30	Lê-xô-thô	LS
31	Li-bê-ri-a	LR

32	Ma-lai-xi-a	MY
33	Ma-li	ML
34	Mô-ri-xơ	MU
35	Mê-hi-cô	MX
36	Mô-dăm-bích	MZ
37	Na-mi-bi-a	NA
38	Niu Di-lân	NZ
39	Na Uy	NO
40	Pa-na-ma	PA
41	Ca-ta	QA
42	Liên bang Nga	RU
43	Xi-ê-ra Lê-ôn	SL
44	Xinh-ga-po	SG
45	Cộng hòa Nam Phi	ZA
46	Xri Lan-ca	LK
47	Ét-xoa-ti-ni	SZ
48	Thụy Sĩ	CH
49	Tan-da-ni-a	TZ
50	Thái Lan	TH
51	Tô-gô	TG
52	Thổ Nhĩ Kỳ	TR
53	U-crai-na	UA
54	Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	AE
55	Vương quốc Anh	GB
56	Hoa Kỳ	US
57	Vê-nê-du-ê-la	VE
58	Việt Nam	VN
59	Dim-ba-bu-ê	ZW